

Bản án số: 13/2024/HSST
Ngày 08/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc D, Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 01/02/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 26/02/2024 đối với bị cáo:

Trần Như T sinh năm 2001; nơi sinh K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn 1, K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Đinh Thị M; vợ Nguyễn Thị Thùy D và có 02 con. Tiền án không; tiền sự không. Lịch sử bản thân ngày 23/12/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng (chấp hành xong ngày 23/3/2022). Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thùy D sinh năm 2001; nơi cư trú thôn Phú Q1, K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: - Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1985; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc Q1 sinh năm 2005; vắng mặt.

- Chị Trần Thị Q2 sinh năm 1995; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Q3 sinh năm 2009; vắng mặt.

- Anh Trần Thế Q4 sinh năm 2003; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và chị D là vợ chồng. Trong cuộc sống vợ chồng giữa T và chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngày 26/6/2023 T bị hỏng điện thoại nên đã mượn điện thoại nhãn hiệu Realme 2 Pro của chị D để sử dụng. Trưa ngày 21/7/2023 sau khi T và chị D quan hệ tình dục với nhau xong, T sử dụng điện thoại Realme 2 Pro quay 08 video và chụp 01 hình ảnh chị D trong tình trạng không mặc quần áo mặc dù chị D không đồng ý.

Chiều ngày 26/7/2023 T đến nhà anh Q (là chú ruột chị D) để ăn giỗ. Quá trình

ăn uống, gia đình bên chị D cho rằng “T suốt ngày ham chơi, không chịu làm ăn” nên T bức tức. Khi về nhà T nảy sinh ý định đăng tải các đoạn video, hình ảnh chị D đang khóa thân lên mạng xã hội nhằm mục đích làm nhục chị D. Khoảng 20 giờ 35 phút cùng ngày, khi đang ở nhà T sử dụng điện thoại Realme 2 Pro đăng nhập vào tài khoản Facebook của chị D có tên là "Thùy D" rồi đăng 02 tin bài trên trang cá nhân của chị D gồm 01 video ghi lại hình ảnh chị D không mặc quần áo; 01 tin bài bằng chữ viết có nội dung "Nhận dịch vụ 24/7" để quảng cáo là chị D nhận bán dâm và bất chế độ bạn bè để tất cả những người kết bạn Facebook với chị D đều có thể xem được. Sau đó T tiếp tục đăng nhập tài khoản Messenger "Thùy D" của chị D gửi các video hình ảnh khóa thân của chị D qua tin nhắn Messenger đến 04 tài khoản gồm tài khoản “Trần T” của T; tài khoản “Nguyễn Ngọc Q1” của anh Q1 (là em ruột chị D); tài khoản “Mèo Lười” của chị Thùy (là chị gái T); tài khoản “Phạm Q3” của cháu Q3 (là em họ chị D).

Anh Nam sử dụng tài khoản Facebook "Nam Đen" có kết bạn với tài khoản "Thùy D" của chị D xem được tin bài mà T đăng lên mạng xã hội Facebook nên đã thông báo cho chị D biết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T vào xem 02 tin đã đăng tải trước đó phát hiện có 17 người đã xem rồi T đã xóa 02 tin bài trên.

Chị D thấy xấu hổ, nhục nhã vì bị xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm nên đã đến cơ quan Công an tố giác hành vi của T và đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội “làm nhục người khác”.

Cáo trạng số 12/CT-VKSYK ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo T về tội “Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo T phạm tội “Làm nhục người khác”.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 155; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 03 tháng đến 05 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho chị D 01 điện thoại Realme 2 Pro lắp sim thuê bao số 0384578001.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T khai có đăng Video và ảnh khóa thân, ảnh khóa thân chị D lên mạng xã hội, với mục đích làm nhục chị D. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của bị cáo, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 26/7/2023 T sử dụng điện thoại đăng nhập vào tài

khoản Facebook rồi đăng trên trang cá nhân của chị D gồm 01 video ghi lại hình ảnh chị D không mặc quần áo và 01 tin bài bằng chữ viết có nội dung "Nhận dịch vụ 24/7" để quảng cáo là chị D nhận bán dâm và bất chế độ bạn bè để tất cả những người kết bạn Facebook với chị D đều có thể xem được. Sau đó T tiếp tục gửi các video hình ảnh khỏa thân của chị D qua tin nhắn Messenger đến tài khoản của T, anh Q1, chị Thùy, cháu Q3. Hậu quả chị D thấy xấu hổ, nhục nhã vì bị xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm.

Hành vi của T đã xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của chị D. Hành vi của T đã phạm vào tội "Làm nhục người khác"; do T sử dụng điện thoại di động và mạng viễn thông để làm nhục chị D nên hành vi của T đã phạm vào điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Điều 155 của Bộ luật Hình sự quy định về tội làm nhục người khác:

1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

.....

e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo T về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra; cần xử phạt bị cáo T với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị D không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường dân sự cho chị D, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 2 Pro lắp sim thuê bao số 0384578001. Điện thoại là tài sản của chị D, nên trả lại cho chị D.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự.

[7] Án phí: Bị cáo T bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Như T phạm tội “Làm nhục người khác”.
2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 155; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Như T 03 (ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 2 Pro lắp sim thuê bao số 0384578001. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/02/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

bà Lê Thu Phương bà Lê Thu Phương

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Như T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người bị hại
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực